

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6980/BTNMT - PC

V/v lấy ý kiến dự thảo Báo cáo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2020 thuộc chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2020

- Kính gửi:
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
  - Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ;
  - Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam;
  - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, đánh giá và xây dựng Báo cáo phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2020 thuộc chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị quý cơ quan tham gia ý kiến đối với dự thảo Báo cáo nêu trên trước khi trình Thủ tướng Chính phủ. Văn bản góp ý của các cơ quan gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế) trước **ngày 28 tháng 12 năm 2020** để hoàn thiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, PC.

+



**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Phương Hoa

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /BC-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm

**DƯ THẢO**

**BÁO CÁO**

**PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN  
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý, cụ thể như sau:

**I. Kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh**

**1. Kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục đề xuất hoặc ban hành theo thẩm quyền để bãi bỏ, đơn giản hóa TTHC, liên thông TTHC, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, sản phẩm hàng hóa kiểm tra chuyên ngành sản phẩm hàng hóa kiểm tra chuyên ngành, theo đó đã:

- Cắt giảm, đơn giản hóa: 214/266 (chiếm 80,1%), bãi bỏ, thay thế hoặc tích hợp: 81/266 TTHC; đơn giản hóa: 133 TTHC; quy định mới: 49 TTHC, đã ban hành 19 văn bản để bãi bỏ, đơn giản hóa 214 TTHC nêu trên, gồm: 02 luật, 09 nghị định và 08 thông tư, thông tư liên tịch. Bộ đã rà soát thực hiện thí điểm liên thông 11 TTHC thuộc 03 lĩnh vực: môi trường, tài nguyên nước và biển, hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ và đã được cụ thể hóa việc lồng ghép, liên thông giải quyết TTHC giữa giao khu vực biển để nhận chìm và cấp phép nhận chìm tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác,

sử dụng tài nguyên biển (dự thảo Nghị định đang trình Chính phủ) và cấp phép xả thải vào nguồn nước với phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020,...

- Đơn giản hóa 102/163 điều kiện đầu tư kinh doanh (chiếm 62,6%) được cụ thể hóa tại Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2020 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định (11 nghị định) liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; cắt giảm 38/74 sản phẩm hàng hóa liên quan đến kiểm tra chuyên ngành (đạt 51,3%) được cụ thể hóa tại Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về TTHC liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đặc biệt, trong năm 2020, Bộ đã tiếp tục đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, bãi bỏ 13 sản phẩm hàng hóa (đạt 36%) tại Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, theo đó, đến nay, Bộ chỉ còn quản lý **23** sản phẩm hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành.

- Trước khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP, Bộ đã chủ động rà soát, đơn giản hóa chế độ báo cáo liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực môi trường, theo đó, tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường chỉ quy định 01 loại báo cáo công tác bảo vệ môi trường thay vì quy định 27 loại báo cáo khác nhau liên quan đến lĩnh vực môi trường tại 11 văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác, tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, TTHC trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tiếp tục được cải cách mạnh mẽ, theo đó, có 07 TTHC được bãi bỏ; 08 TTHC được tích hợp trong 01 TTHC cấp, điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường; các TTHC sẽ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục tổ chức rà soát các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc các lĩnh vực: đất đai, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, theo đó:

### **1.1. Số lượng thủ tục hành chính dự kiến cắt giảm:**

- Số lượng TTHC được rà soát: **99** TTHC
- **Số lượng TTHC** đề nghị cắt giảm, đơn giản hóa: **88/99** (đạt 90%), cụ thể từng lĩnh vực:
  - + Lĩnh vực đất đai: 15/17 TTHC, chiếm 88,2%
  - + Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: **28/29** TTHC, chiếm 96%
  - + Lĩnh vực tài nguyên nước: **27/32** TTHC, chiếm 84,4%
  - + Lĩnh vực khí tượng thủy văn: **08/08** TTHC, chiếm 100%
  - + Lĩnh vực biển và hải đảo: **10/10**, chiếm 100%
  - + Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý: **01/03** TTHC, chiếm 33%

### **1.2. Chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm được khi thực thi phương án cắt giảm đơn giản hóa**

Tổng chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm: 48.797.141.000 đồng, chiếm tỷ lệ **8,4%** trên tổng chi phí tuân thủ quy định TTHC, cụ thể từng lĩnh vực:

- Lĩnh vực đất đai: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 18.269.120.000 đồng, chiếm (11%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực địa chất và khoáng sản: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 3.711.574.000 đồng, chiếm (1%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực tài nguyên nước: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 9.817.643.000 đồng chiếm (8,3%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực khí tượng thủy văn: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 145.136.000 đồng chiếm (19,6%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực biển và hải đảo: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 146.920.000 đồng chiếm (4%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.
- Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý: chi phí tuân thủ tiết kiệm: 146.200.000 đồng chiếm (23%) trên tổng số chi phí tuân thủ TTHC.

### **2. Tổng số văn bản có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ**

Trên cơ sở dự kiến cắt giảm TTHC nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị sửa đổi 13 văn bản quy phạm pháp luật, gồm: 07 nghị định, 05 thông tư.

*(Chi tiết phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ tại Phụ lục kèm theo và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa nêu trên tại Phụ lục kèm theo )*

## **II. Đánh giá, kiến nghị**

### **1. Đánh giá những khó khăn, bất cập**

- Trong quá trình rà soát, thống kê xác định TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường vẫn còn có một số ý kiến về cách hiểu khác nhau như thế nào là TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh, vì theo khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định: *Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.* Tuy nhiên, có một số TTHC chưa xác định được tổ chức, cá nhân có nhu cầu kinh doanh hay không hoặc tổ chức, cá nhân chỉ có nhu cầu thực hiện TTHC để nhằm xác định tính pháp lý về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với kết quả TTHC đó, ví dụ: đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc chứng minh tổ chức, cá nhân không gây ô nhiễm, suy thoái môi trường...

- Việc cắt giảm một số thành phần hồ sơ liên quan đến việc khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành (cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; cổng dịch vụ công quốc gia,...) mà không yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện còn nhiều băn khoăn việc chia sẻ dữ liệu dùng chung để khai thác trong quá trình thẩm định TTHC.

- Trong quá trình cập nhật, thống kê, tính toán chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trên Phần mềm còn gặp một số khó khăn như: mã số ngành nghề kinh doanh còn thiếu; chưa liên kết với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác (cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC) vẫn yêu cầu người cập nhật phải thao tác thông tin ngày tháng, cơ quan ban hành văn bản,...

### **2. Kiến nghị**

Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành được giao quản lý các cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, về công dân; về công bố, công khai kết quả giải quyết TTHC,... phải bảo đảm việc khai thác dùng chung trong quá trình giải quyết TTHC; trường hợp không bảo đảm sẽ ảnh hưởng tới tiến độ chung giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

### **III. Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP năm 2021**

1. Thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2020 sau khi được Thủ tướng Chính phủ thông qua.

2. Rà soát, đơn giản hóa TTHC thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tiếp tục rà soát, đề xuất các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc các lĩnh vực khác của Bộ./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT. PC

**BỘ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**

**Phụ lục**  
**PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(kèm theo Báo cáo số /BC-BTNMT ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ rà soát	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Bộ</b>			
1	Cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ định giá đất	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 44/2014/N-CP (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP (5) Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện: Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả. 2. Về thành phần hồ sơ 2.1. Bỏ giấy chứng nhận đã hoàn thành về bồi dưỡng định giá đất Lý do: thành phần hồ sơ này, cơ quan cấp chứng chỉ đã có. Do đó, chỉ cần sửa đổi ở Mẫu đơn đề nghị cấp chứng chỉ theo hướng bổ sung thông tin đã tham gia khóa học 2.2. Bỏ Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) của người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất. Lý do: Thành phần HS này đã có trong dữ liệu quản lý dân cư. Do đó, cơ quan cấp chứng chỉ sẽ khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với thông tin cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ. 2.3. Về hình thức nộp các thành phần hồ sơ: - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ....	1. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT  2. Bãi bỏ điểm b, điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT.  - Sửa đổi điểm đ khoản 1; đoạn cuối khoản 1 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT

			<p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>3. Về thời gian giải quyết</p> <p>- Giám thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc:</p> <p>Lý do: TTHC không yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC, thành phần hồ sơ đơn giản, không phức tạp, không cần phải đi thực tế xác minh.</p> <p>4. Ngoài ra, bỏ Điều 4 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT cho phù hợp với quy định của pháp luật đầu tư, đồng thời điều kiện này đã được quy định tại số 44/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.516.780.200 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 845.200.200 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 671.680 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 44%.</p>	<p>3. Sửa đổi điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 61/2015/NĐ-CP.</p> <p>4. Bãi bỏ Điều 4 Thông tư 61/2015/TT-BTNMT</p>
2	Thẩm định, đánh giá đủ điều kiện, năng lực của tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	<p>(1) Luật số Đất đai</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p> <p>(4) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về trình tự thực hiện: quy định cụ thể trình tự giải quyết TTHC cụ thể theo các bước (nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ; thẩm định; trả kết quả).</p> <p>Lý do: pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể, việc quy định cụ thể sẽ gắn trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết của từng cơ quan..</p> <p>2. Về cách thức thực hiện: Quy định cụ thể cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC</p> <p>Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ</p>	Sửa đổi khoản 5 Điều 5b Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.



			<p>3.1. Sửa lại tên thành phần hồ sơ “giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính: Lý do: cho phù hợp với Điều 29 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.</p> <p>3.2. Bỏ thành phần hồ sơ “chứng chỉ đào tạo về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai” Lý do: theo quy định về điều kiện của ngành nghề kinh doanh xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thì cá nhân phải bảo đảm về trình độ từ đại học trở lên có các chuyên ngành đào tạo,...không nhắc đến chứng chỉ đào tạo.</p> <p>4. Về kết quả giải quyết TTHC: Mẫu hóa kết quả giải quyết TTHC. II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.963.000 đồng 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.147.000 đồng 3. Chi phí tiết kiệm: 816.000đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 10,2 %.</p>	
<b>II</b>	<b>TTHC cấp Tỉnh</b>			
1	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án <u>phải trình</u> cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về thành phần hồ sơ - Bỏ thành phần hồ sơ: Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất Lý do: thành phần hồ sơ này cơ quan xem xét, giao đất, cho thuê đất đã có và lưu văn bản này. - Bỏ thành phần hồ sơ: Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất. Lý do: đã quy định cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất. 2. Về cách thức thực hiện TTHC:</p>	<p>1. Bãi bỏ điểm c, d khoản 1 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT  2. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p>

	nước ngoài có chức năng ngoại giao		<p>Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.075.840.000 đồng.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.917.760.000 đồng</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 2.158.080.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 14,3%.</p>	
2	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án <u>không phải trình</u> cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p>	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về thành phần hồ sơ</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ: Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.</p> <p>Lý do: đã quy định cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC:</p> <p>Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9,422,400,000 đồng.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8,073,600,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1,348,800,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 14,3%.</p>	<p>1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT</p> <p>2. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p>
3	Chuyển mục đích sử	nt	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa	1. Sửa đổi Điều 60

	<p>dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p>		<p>1. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 24.813.888.000 đồng 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.558.080.000 3. Chi phí tiết kiệm: 2.255.808.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9,1%.</p>	<p>Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p>
4	<p>Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (4) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 Lý do: bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC. 2. Về thành phần hồ sơ Bổ bản sao hoặc giấy đăng ký kinh doanh Lý do: khai thác thông tin đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp. 3. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,151,232,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa:</p>	<p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 69a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung. 2. Sửa đổi điểm d Điều 7a Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung 3. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p>

			965,120,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 186,112,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 16,2 %.	
<i>Trường hợp đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai</i>				
5	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.928.320.000 đồng 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.571.200.000 đồng 3. Chi phí tiết kiệm: 357,120,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP
6	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	nt	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.237.760.000 đồng 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.761.600.000 đồng 3. Chi phí tiết kiệm: 476.160.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP
7	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	nt	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.761.536.000 đồng.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.237.760.000 đồng.</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 523.776.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.</p>	
8	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở</p>	<p>(1) Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 02/2014/T-BTC ngày 02/01/2014</p> <p>(6) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015</p> <p>(7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ nộp Khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, các Điều 18, 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này; nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất. Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.426.560.000 đồng/năm.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.569.600.000 đồng/năm.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT</p>

			<p>3. Chi phí tiết kiệm: 2,856,960,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.</p>	
9	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	<p>(1) Luật đất đai số (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC (6) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,547,200,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5,952,000,000 đồng/năm. 3. Chi phí tiết kiệm: 595,200,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.</p>	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP
10	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người	<p>(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT (6) Thông tư số 02/2014/TT-BTC (7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.426.560.000 đồng/năm. 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.569.600.000 đồng/năm. 3. Chi phí tiết kiệm: 2,856,960,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.</p>	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

	sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp			
11	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC (6) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.426.560.000 đồng/năm. 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.569.600.000 đồng/năm. 3. Chi phí tiết kiệm: 2,856,960,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP
12	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	nt	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP 2. Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị giải quyết TTHC Lý do: bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC. II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,618,880,000 đồng/năm. 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,380,800,000 đồng/năm. 3. Chi phí tiết kiệm: 238,080,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.	1. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP  2. Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT

13	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Nghị định số 118/2014/NĐ-CP (4) Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 785,664,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 714,240,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 71,424,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.	1. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT
<i>Trường hợp chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai</i>				
5	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	nt	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.761.536.000 đồng. 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.237.760.000 đồng. 3. Chi phí tiết kiệm: 523.776.000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP
6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP 2. Về thành phần hồ sơ - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành	1. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP



	phát triển nhà ở	02/2014/T-BTC (6) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP (7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	<p>phần hồ sơ nộp Khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, các Điều 18, 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này; nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.426.560.000 đồng/năm.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.569.600.000 đồng/năm.</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 2,856,960,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.</p>	2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT
7	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2014/T-BTC (6) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,547,200,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5,952,000,000 đồng/năm.</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 595,200,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.</p>	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

8	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</p>	<p>(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT (6) Thông tư số 02/2014/TT-BTC (7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.426.560.000 đồng/năm. 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.569.600.000 đồng/năm. 3. Chi phí tiết kiệm: 2,856,960,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.</p>	<p>Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p>
9	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	<p>(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC (6) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.426.560.000 đồng/năm. 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.569.600.000 đồng/năm. 3. Chi phí tiết kiệm: 2,856,960,000 đồng/năm.</p>	<p>Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p>

			4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.	
10	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị giải quyết TTHC Lý do: bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,618,880,000 đồng/năm.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,380,800,000 đồng/năm.</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 238,080,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT</p>
11	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	<p>(1) Luật đất</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 118/2014/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 785,664,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 714,240,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 71,424,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.</p>	Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT
<b>III</b>	<b>TTHC cấp huyện</b>			
1	Giao đất, cho thuê đất cho	(1) Luật đất đai	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa	1. Sửa đổi khoản 1

	<p>hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất</p>	<p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT (4) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	<p>1. Về thành phần hồ sơ - Bổ thành phần hồ sơ: Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất. Lý do: đã quy định cơ quan tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với những nơi đã có bản đồ địa chính hoặc thực hiện trích đo địa chính thửa đất theo yêu cầu của người xin giao đất, thuê đất. 2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12,490,569,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10,702,566,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 1,788,003,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 14,3 %.</p>	<p>Điều 4 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT</p>
2	<p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân</p>	<p>nt</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14,465,220,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13,150,200,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 1,315,020,000 đồng/năm.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p>

			4. Tỷ lệ cắt giảm: 9,1 %.	
3	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC</p> <p>Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5,786,088,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5,260,080,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 526,008,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.</p>	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP
4	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	<p>(1) Luật đất đai</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT</p> <p>(4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 02/2014/T-BTC</p> <p>(6) Nghị định số 76/2015/NĐ-CP</p> <p>(7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC</p> <p>Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ <b>nộp</b> Khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, các Điều 18, 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này; nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT</p>

			45/2020/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28,930,440,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26,300,400,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 2,630,040,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.	
5	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng;	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT (6) Thông tư số 02/2014/TT-BTC (7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP Tuy nhiên, cần nhắc về hình thức thành phần hồ sơ nếu như nộp trực tuyến. II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 86,791,320,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 78,901,200,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 7,890,120,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.	
6	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC (6) Nghị định số	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5,786,088,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa:	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

		01/2017/NĐ-CP	5,260,080,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 526,008,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.	
7	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (3) Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT (6) Thông tư số 02/2014/TT-BTC (7) Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (8) Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28,930,440,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26,300,400,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 2,630,040,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP
8	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	(1) Luật đất đai (2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi (3) Thông tư số 24/2014/TT- (4) Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 02/2014/TT-BTC	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8,679,132,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7,890,120,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 789,012,000 đồng/năm.	Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

			4. Tỷ lệ cắt giảm: 9 %.	
9	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị giải quyết TTHC Lý do: bảo đảm rõ ràng, minh bạch, áp dụng chung thống nhất, tránh yêu cầu tùy tiện của cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5,786,088,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5,260,080,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 526,008,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT</p>
10	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	<p>(1) Luật đất</p> <p>(2) Nghị định số 43/2014/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 118/2014/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện TTHC Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,893,044,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,630,040,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 263,004,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.</p>	Sửa đổi khoản 1 Điều 7 Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT



STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Trung ương</b>			
1	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Việc quy định mở cách thức trả kết quả sẽ phù hợp với tình hình thực tế hiện nay khi thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công (có thể tra dịch vụ bưu chính)</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Bãi bỏ Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò (cấp giấy phép khai thác khoáng sản) Lý do: cơ quan cấp phép đã có văn bản này.</p> <p>- Bãi bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt) Lý do: cơ quan cấp phép đã có văn bản này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 54; điểm a khoản 2 Điều 55 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài); các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu hoặc bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp được các Bộ ngành, địa phương phê duyệt.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>4.1. Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC ( thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p><i>Tổng thời gian đề xuất cắt giảm từ: 115 xuống còn 109 ngày (giảm 06 ngày)</i></p> <p>4.2. Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC ( thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 10 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p>	<p>4.1. Điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4.2. Điểm b khoản 1, khoản 3, 4 Điều 63 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
--	--	--	---	--

			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,738,840,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,653,280,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 85,560,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,1 %.</p>	
2	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC</p> <p>Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Lý do: cơ quan thẩm định khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử;</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,532,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,110,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1,422,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 31,4%.</p>	<p>1. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>2. Điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung</p>
3	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Về cách thức thực hiện TTHC</p> <p>Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p>	<p>1. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p>

	phê duyệt		<p>- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: cơ quan thẩm định khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử; Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,532,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,110,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 1,422,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 31,4%.</p>	<p>2. Điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung</p>
4	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p> <p>(4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>(5) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(6) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT</p> <p>(7) Thông tư số 191/2016/TT-BTC</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Bãi bỏ văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản Lý do: cơ quan cấp phép đã có văn bản này.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

		<p>(8) Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT</p> <p>(9) Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT</p> <p>(10) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại;; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu Trường hợp đề nghị thăm dò quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Quy định cụ thể trong thời gian (01-3 ngày) kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.</p> <p>Lý do: Nghị định số 158/2017/NĐ-CP chưa quy định rõ ràng, minh bạch, dẫn đến nhiều cách hiểu, áp dụng khác nhau</p> <p>4.1. đối với thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,322,560,000 đồng/năm.</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,280,240,000 đồng/năm</p>	<p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 58</p> <p>4.1. Điểm b khoản 2 và khoản 5, khoản 6 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
--	--	--	--	---

			<p>3. Chi phí tiết kiệm: 42,320,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,2%.</p>	
5	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; (5) Thông tư số 191/2016/TT-BTC; (6) Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT; (7) Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT (8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. 2. Về hình thức trả kết quả TTHC - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. 3. Về số thành phần hồ sơ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. 4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 650,800,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 628,300,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 22,500,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP  2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP  3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP  4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
6	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	(1) Luật Khoáng sản	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p>	1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số

		<p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p> <p>(4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT</p> <p>(5) Thông tư số 191/2016/TT-BTC</p>	<p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật khoáng sản.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 260,720,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 251,320,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 9,400,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,6 %.</p>	<p>158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
7	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	(1) Luật Khoáng sản	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p>	1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số

	<p>hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản</p>	<p>60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. 2. Về hình thức trả kết quả TTHC - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. 3. Về số thành phần hồ sơ - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại. 4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 97,770,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 94,245,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 3,525,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,6 %.</p>	<p>158/2016/NĐ-CP  2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP  3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP  4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
8	<p>Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản</p>	<p>nt</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa 1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>



			<p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.</li> <li>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</li> </ul> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 325,400,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 314,150,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 11,250,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</li> </ol>	<p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điểm b khoản 1 và 2 và Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
9	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</li> </ol> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> </ul> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</li> </ul> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về hình thức thành phần hồ sơ: trao đổi Cục CNTT nếu yêu cầu bản chính hoặc chứng thực có thực hiện đc trên môi trường mạng?</li> <li>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</li> </ul> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 260,720,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 251,320,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 9,400,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,6 %.</li> </ol>	<p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b, c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điểm b khoản 1 và 2 và Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điểm b khoản 1 và 2 và Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
10	Trả lại Giấy phép khai	nt	I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa	1. Sửa đổi Điều

<p>thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản</p>		<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</li> <li>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</li> <li>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</li> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</li> </ul> <li>3. Về số thành phần hồ sơ</li> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.</li> <li>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</li> </ul> <li>4. Về thời gian giải quyết TTHC</li> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp.</li> <li>- Giảm thời gian thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn từ 30 ngày xuống còn 20 ngày Lý do: hãm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn</li> </ul> </ul> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 97,770,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 94,245,000 đồng/năm</li> </ol>	<p>47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điểm b khoản 1 và 2 và Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
---	--	---	--

			<p>3. Chi phí tiết kiệm: 3,525,000 đồng/năm.  4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,6 %.</p>	
11	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.  Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- <i>Bỏ Đề án và cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác.</i>  Lý do: cơ quan nhà nước đã có thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc  Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc  Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,139,560,000 đồng/năm  2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,134,643,000 đồng/năm  3. Chi phí tiết kiệm: 4,917,000 đồng/năm.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm khoản 2 Điều 50 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			4. Tỷ lệ cắt giảm: 1 %.	
12	Đóng cửa mỏ khoáng sản	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ giấy phép khai thác khoáng sản</li> </ul> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.</li> <li>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</li> </ul> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Điểm 4 khoản 1 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 68,742,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 63,825,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 4,917,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 7,2 %.</p>	
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận theo hướng: Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Việc quy định mở cách thức trả kết quả sẽ phù hợp với tình hình thực tế hiện nay khi thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công (có thể tra dịch vụ bưu chính)</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, huyện.</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu trữ thành phần hồ sơ này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bản quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có); Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định phê duyệt trữ</p>	<p>1. Sửa đổi khoản 3 Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.</p> <p>2. Sửa đổi khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.</p> <p>3. Sửa đổi khoản 2 Điều 54 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>lượng khoáng sản nằm trong diện tích xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Báo cáo đánh giá tác động môi trường (không thuộc thẩm quyền phê duyệt của tỉnh) của dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>4.1. Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC ( thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>4.2. Đối với cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC ( thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định) từ 10 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21,910,720,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21,226,240,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 684,480,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,1 %.</li> </ol>	<p>4.1. Điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4.2. Điểm b khoản 1, khoản 3, 4 Điều 63 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
--	--	--	---	--

2	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản  (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP  (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP  (4) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa  1. Về cách thức thực hiện TTHC  Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.  Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP  2. Về thành phần hồ sơ:  - Bổ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  Lý do: cơ quan thẩm định khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử;  Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.  II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa  1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 290,048,000 đồng/năm  2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 199,040,000 đồng/năm  3. Chi phí tiết kiệm: 91,008,000 đồng/năm.  4. Tỷ lệ cắt giảm: 31,4%.</p>	<p>1. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP   2. Điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung</p>
3	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	nt	<p>I. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa  1. Về cách thức thực hiện TTHC  Bổ sung thêm cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.  Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP  2. Về thành phần hồ sơ:  - Bổ thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  Lý do: cơ quan thẩm định khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử;</p>	<p>1. Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP   2. Điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung</p>



			<p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 290,048,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 199,040,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 91,008,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 31,4%.</p>	
4	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>(3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p> <p>(4) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP</p> <p>(5) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</p> <p>(6) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT</p> <p>(7) Thông tư số 191/2016/TT-BTC</p> <p>(8) Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT</p> <p>(9) Thông tư số 53/2013/TT-</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Bãi bỏ văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã có văn bản này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

		<p>BTNMT (10)Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT- BTNMT-BTC</p>	<p>trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại;; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu Trường hợp đề nghị thăm dò quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định cụ thể trong thời gian (01-3 ngày) kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.</li> </ul> <p>Lý do: Nghị định số 158/2017/NĐ-CP chưa quy định rõ ràng, minh bạch, dẫn đến nhiều cách hiểu, áp dụng khác nhau</p> <p>4.1. đối với thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16,928,768,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16,387,072,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 541,696,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,2 %.</li> </ol>	<p>4. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 58</p> <p>4.1. Điểm a khoản 2 Điều 59 và khoản 5, khoản 6 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
--	--	--	---	---

5	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản  (2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP  (3) Nghị định số 22/2012/NĐ-CP  (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT  (5) Thông tư số 191/2016/TT-BTC  (6) Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT  (7) Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT  (8) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC  - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:  Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.  Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC  - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.  Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ  Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC  - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc  Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa  1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,165,120,000 đồng/năm  2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,021,120,000 đồng/năm  3. Chi phí tiết kiệm: 144,000,000 đồng/năm.  4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 2 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
6	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản  (2) Nghị</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC  - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số</p>

		<p>định số 158/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP (4) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT (5) Thông tư số 191/2016/TT-BTC</p>	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> </ul> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật khoáng sản;</li> </ul> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 260,720,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 251,320,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 9,400,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,6%.</li> </ol>	<p>158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 4 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
--	--	--	--	---

7	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	<p>(1) Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>(2) Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016</p> <p>(3) Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</p>	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,165,120,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,021,120,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 144,000,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
8	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số</p>

			<p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.</li> <li>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</li> </ul> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,165,120,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,021,120,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 144,000,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</li> </ol>	<p>158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
--	--	--	--	---

9	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</li> </ul> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</li> </ul> <p>Lý do: khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</li> </ul> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về hình thức thành phần hồ sơ: trao đổi Cục CNTT nếu yêu cầu bản chính hoặc chứng thực có thực hiện đc trên môi trường mạng?</li> <li>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</li> </ul> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b và điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều</p>
---	--	----	--	--

			<p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,165,120,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,021,120,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 144,000,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</p>	65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP
10	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại. - Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 3 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 và điểm</p>



			<p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,165,120,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,021,120,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 144,000,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %..</p>	<p>b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
11	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- <i>Bãi bỏ Đề án và cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác.</i></p> <p>Lý do: cơ quan nhà nước đã có thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm khoản 2 Điều 50 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 401,863,680,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 401,234,304,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 629,376,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 1%.</p>	
12	Đóng cửa mỏ khoáng sản	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <p>- Bãi bỏ giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này.</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<p>- Làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản</p> <p>Lý do: yêu cầu nộp văn bản chứng minh đối với các nghĩa vụ này là khó và mang tính tùy nghi.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,932,992,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,723,200,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 209,792,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 7,2 %.</p>	<p>4. Sửa đổi điểm 4 khoản 1 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
13	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <p>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Lý do: cơ quan cấp phép khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</li> <li>- Bãi bỏ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp địa phương phê duyệt Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.</li> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp các bộ ngành, địa phương phê duyệt.</li> </ul> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</li> </ul> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,247,680,000 đồng</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,031,680,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 216,000,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</li> </ol>	<p>3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
14	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	nt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</li> <li>2. Về hình thức trả kết quả TTHC - Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ol>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48</p>

			<p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: ác văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.</li> </ul> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,165,120,000 đồng</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,021,120,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 144,000,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</li> </ol>	<p>Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 52 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
15	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	nt	<p>1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về hình thức trả kết quả TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi về hình thức trả kết quả TTHC theo hướng mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</li> </ul> <p>Lý do: quy định hiện hành mới chỉ quy định nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>3. Về số thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo</li> </ul>	<p>1. Sửa đổi Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p> <p>3. Điểm b khoản 3 Điều 52 Nghị định số</p>

			<p>hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là phù hợp</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,165,120,000 đồng</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,021,120,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 144,000,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3,5 %.</p>	<p>158/2016/NĐ-CP</p> <p>4. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>
16	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện:</p> <p>Quy định cụ thể cách thức gửi hồ sơ đề nghị khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.</p> <p>Lý do: Nghị định số 158/2016/NĐ-CP chưa quy định cụ thể</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>Mẫu hóa văn bản đề nghị UBND tỉnh được phép khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản</p> <p>Lý do: mẫu hóa hồ sơ sẽ giúp tổ chức, cá nhân được thực hiện một cách thống nhất.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 196,992,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 166,336,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 30,656,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 15,6%.</p>	<p>Sửa đổi Điều 32 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Trung ương</b>			
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	nt	<p>1. Về trình tự thực hiện:</p> <p>- Bổ sung quy định trình tự thực hiện đối với trường hợp công trình chưa khai thác tài nguyên nước với trình tự, thủ tục độc lập với thủ tục cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p>Lý do: Việc dự kiến thời gian vận hành công trình để làm căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khi công trình chưa đi vào vận hành làm phát sinh thủ tục nộp, thẩm định, trình phê duyệt Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền</p> <p>- Quy định cụ thể hơn về nộp hồ sơ đề nghị tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; đồng thời bãi bỏ quy định <i>thực hiện đồng thời với thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước</i></p> <p>Lý do: Nghị định số 82/2017/NĐ-CP mới quy định việc tiếp nhận, thẩm định HS đồng thời với cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước. Chưa quy định việc tổ chức, cá nhân nộp HS như thế nào. Đồng thời việc tính tiền cấp quyền khai thác chỉ thực hiện đồng thời với trường cấp giấy phép tài nguyên nước.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 105,720,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 80,940,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 24,780,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 13,4%.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP</p> <p>- Dự kiến sửa đổi: năm 2020</p> <p>- Chi phí cắt giảm:</p>
2	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên	(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012 (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29</p>

		<p>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016</p> <p>(4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014</p> <p>(5) Thông tư số 270/2016/TT-BC ngày 14/11/2016</p> <p>(6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018.</p>	<p>và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.</p> <p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 665,780,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 609,720,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 56,060,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 8,4%.</p>	<p>Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p>
3	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số</p>



			<p>nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.</p> <p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTCH</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTCH từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 246,900,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 222,255,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 24,645,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 10 %.</p>	<p>201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
--	--	--	--	--

4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. - Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình. Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian. - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,003,890,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 919,800,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 84,090,000 đồng/năm.</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p>
---	---	----	--	--

5	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên</p>	nt	<p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 8,4%.</p> <p>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC -Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. - Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình. Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
---	---	----	---	---

			<p>sơ đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 459,380,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 426,520,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 32,860,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 7,2 %.</li> </ol>	
6	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m<sup>3</sup>/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên</p>	nt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</li> <li>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC -Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</li> <li>3. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. - Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình. Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</li> <li>4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 03</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</li> <li>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> <li>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> <li>- Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> </ul>

			<p>ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,111,100,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,054,960,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 56,140,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 5,1 %.</p>	
7	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m<sup>3</sup>/giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ 100.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm trở lên</p>	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>- Bãi bỏ quy định: rường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>phương dự định đặt công trình.          Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.          5. Về thời gian giải quyết TTHC          - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc          Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.          - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc          Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn          II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa          1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 561,980,000 đồng/năm          2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 529,080,000 đồng/năm          3. Chi phí tiết kiệm: 32,900,000 đồng/năm.          4. Tỷ lệ cắt giảm: 6 %.</p>	<p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
8	<p>Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên đối với các hoạt động khác</p>	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện          Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến          Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.          2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC          -Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:          1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.          Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.          3. Thành phần hồ sơ          - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp          Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức,</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35</p>

			<p>cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</li> </ul> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ quy định: trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.</li> </ul> <p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTCH</p> <p>Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,388,875,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,318,700,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 70,175,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 5,1 %.</li> </ol>	<p>và điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
9	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 30.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng từ 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên đối với các hoạt</p>	nt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Về cách thức thực hiện</li> </ol> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTCH theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTCH</li> </ol> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ol>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm d khoản 2 Điều 33</p>

	động khác		<p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</li> </ul> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</li> </ul> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Công dịch vụ công trực tuyến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ quy định: rường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.</li> </ul> <p>Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTCH</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTCH từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 421,485,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 396,810,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 24,675,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 6 %.</li> </ol>	<p>Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> <li>- Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> </ul>
10	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới	(1) Luật tài nguyên (2) Nghị định số	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Về cách thức thực hiện</li> </ol> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTCH theo</p>	Sửa đổi khoản 2



	đất quy mô lớn	<p>201/2013/NĐ-CP (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP (4) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 270/2016/TT-BC (6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC -Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ: - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu; Lý do: tại Đơn đề nghị cấp phép đã có thông tin về doanh nghiệp; cơ quan thẩm định khai thác thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ - Bãi bỏ quy định: Trường hợp cơ quan thụ lý hồ sơ cấp phép là Cục Quản lý tài nguyên nước thì tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải gửi thêm một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân. Lý do: không cần thiết, trường hợp tổ chức cá nhân được cấp phép, cơ quan quyết định cấp phép sẽ gửi quyết định cấp phép được phê duyệt cho Sở TNMT của địa phương nơi có công trình để quản lý.</p>	<p>Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất</p> <p>Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>
--	----------------	--	--	---

			<p>5. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Quy định cụ thể thời gian trả kết quả TTHC cho tổ chức, cá nhân, Lý do: pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này, dẫn đến tùy tiện trong quá trình thực hiện.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 261,390,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 239,670,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 21,720,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 8,3 %.</p>	
11	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị đã có thông tin. Mặt khác thành phần hồ sơ này đã được lưu tại cơ quan cấp phép</p> <p>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật</p> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Bỏ điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>

			<p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 113,825,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 95,725,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 18,100,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 16 %.</p>	
12	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thời gian</p> <p>- Giảm thời gian tiếp nhận hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 191,345,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 134,015,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 57,330,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 30 %.</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn	<p>(1) Luật tài nguyên nước</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>(3) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>- Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>

			<p>hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 53,660,000 đồng/năm</li> <li>Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 39,460,000 đồng/năm</li> <li>Chi phí tiết kiệm: 14,200,000 đồng/năm.</li> <li>Tỷ lệ cắt giảm: 26,5 %.</li> </ol>	
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	nt	<p>1. Về trình tự thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Bổ sung quy định trình tự thực hiện đối với trường hợp công trình chưa khai thác tài nguyên nước với trình tự, thủ tục độc lập với thủ tục cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên</li> </ul> <p>Lý do:</p> <p>Việc dự kiến thời gian vận hành công trình để làm căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước khi công trình chưa đi vào vận hành làm phát sinh thủ tục nộp, thẩm định, trình phê duyệt Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quy định cụ thể hơn về nộp hồ sơ đề nghị tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; đồng thời bãi bỏ quy định <i>thực hiện đồng thời với thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước</i></li> </ul> <p>Lý do: Nghị định số 82/2017/NĐ-CP mới quy định việc tiếp nhận, thẩm định HS đồng thời với cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước. Chưa quy định việc tổ chức, cá nhân nộp HS như thế nào. Đồng thời việc tính tiền cấp quyền khai thác chỉ thực hiện đồng thời với trường cấp giấy phép tài nguyên nước.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,383,040,000 đồng/năm</li> <li>Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,590,080,000 đồng/năm</li> <li>Chi phí tiết kiệm: 792,960,000 đồng/năm.</li> <li>Tỷ lệ cắt giảm: 13,4%.</li> </ol>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP</li> <li>Dự kiến sửa đổi: năm 2020</li> <li>Chi phí cắt giảm:</li> </ul>
2	Cấp giấy phép thăm	(1) Luật tài nguyên	1. Về cách thức thực hiện	- Sửa khoản 1

	<p>dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>	<p>nước (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP (4) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT (5) Thông tư số 270/2016/TT-BC (6) Nghị định số 136/2018/NĐ-CP</p>	<p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả. 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC -Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. 3. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. 4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian. - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8,521,984,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7,804,416,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 717,568,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 8,4 %.</p>	<p>Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP  - Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP  - Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p>
3	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất</p>	<p>nt</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định</p>

	<p>đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>		<p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ</p> <p>- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</p> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <p>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</p> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3,160,320,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,844,864,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 315,456,000 đồng/năm.</p>	<p>201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
--	---	--	---	---

			4. Tỷ lệ cắt giảm: 10 %.	
4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC -Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian. - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10,708,160,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9,811,200,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 896,960,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 8,4 %.</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p>
5	Gia hạn, điều chỉnh	nt	1. Về cách thức thực hiện	- Sửa khoản 1

	<p>nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm</p>		<p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến          Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.          2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC          - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:          2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.          Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.          3. Thành phần hồ sơ          - Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp          Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.          4. Về số lượng hồ sơ          - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:          Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.          5. Về thời gian giải quyết TTHC          - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc          Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.          - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc          Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn          II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa          1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8,820,096,000 đồng/năm</p>	<p>Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP           - Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP           - Bổ điểm d khoản 2 Điều 31 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP           - Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP           - Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>
--	---	--	--	---



			<p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8,189,184,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 630,912,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 7,2 %.</p>	
6	<p>Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm</p>	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC -Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>4. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian. - Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17,777,600,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16,879,360,000</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 898,240,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 5,1 %.</p>	
7	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m<sup>3</sup>/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm</p>	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ - Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

			<p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8,991,680,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8,465,280,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 526,400,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 6 %.</p>	
8	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ - Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Về số lượng hồ sơ - Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ: Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm d khoản 2 Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản</p>

			<p>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ cấp phép trong 05 ngày làm việc là đủ thời gian.</p> <p>- Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17,777,600,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16,879,360,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 898,240,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 5,1 %.</p>	3 Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP
9	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC -Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ - Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp Lý do: Trong đơn đề nghị Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đã có thông tin về giấy phép đã được cấp; đồng thời cơ quan cấp phép đã lưu giấy phép này. Do đó, không cần đề nghị tổ chức, cá nhân nộp thành phần hồ sơ này.</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm d khoản 2 Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số</p>

			<p>4. Về số lượng hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ:</li> </ul> <p>Lý do: Phù hợp với yêu cầu khi thực hiện TTCH trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.</p> <p>5. Về thời gian giải quyết TTCH</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của hồ sơ điều chỉnh, gia hạn, cấp lại trong 03 ngày làm việc là đủ thời gian thực hiện vì thành phần hồ sơ đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thời gian trả kết quả TTCH từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12,588,352,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11,851,392,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 736,960,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 6 %.</li> </ol>	<p>201/2013/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi điểm b khoản 1 khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> </ul>
10	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Luật tài nguyên nước</li> <li>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</li> <li>(3) Nghị định số 60/2016/NĐ-CP</li> <li>(4) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014</li> <li>(5) Thông tư số 85/2019/TT-BC ngày 29/11/2019</li> <li>(6) Nghị định số</li> </ol>	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTCH theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTCH</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa điểm b khoản 1 Điều 13 Thông</p>

		136/2018/NĐ-CP ngày 0/10/2018	<p>3. Về thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép;</li> <li>Lý do: tại Đơn đề nghị cấp phép đã có thông tin về doanh nghiệp; cơ quan thẩm định khai thác thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp</li> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật</li> <li>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</li> </ul> <p>5. Về thời gian giải quyết TTHC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định cụ thể thời gian trả kết quả TTHC cho tổ chức, cá nhân,</li> <li>Lý do: pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này, dẫn đến tùy tiện trong quá trình thực hiện.</li> </ul> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11,152,640,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10,225,920,000</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 926,720,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 8,3 %.</li> </ol>	<p>tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất</p> <p>Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi khoản 5 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>
11	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	nt	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p>	<p>Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>

			<p>2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao giấy phép đã được cấp</li> </ul> <p>Lý do: Trong đơn đề nghị đã có thông tin. Mặt khác thành phần hồ sơ này đã được lưu tại cơ quan cấp phép</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định thành lập của tổ chức; các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật</li> </ul> <p>Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,913,920,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,450,560,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 463,360,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 16 %.</li> </ol>	<p>Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Bỏ điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p> <p>Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT</p>
12	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	<p>(1) Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH12 ngày 21/6/2012</p> <p>(2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả.</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p>	<p>- Sửa khoản 1 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi Điều 29 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP</p>

		(3) Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc</p> <p>Lý do: phù hợp với tình hình thực tiễn</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,575,680,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,894,080,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 681,600,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 26,5 %.</p>	Sửa đổi khoản 4 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP.
13	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	(1) Luật tài nguyên nước (2) Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (3) Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT	<p>1. Về cách thức thực hiện</p> <p>Bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: Phù hợp với Nghị định 61/2018/NĐ-CP và tạo điều kiện cho cá nhân được quyền lựa chọn các hình thức nộp và nhận kết quả</p> <p>2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC</p> <p>-Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.</p> <p>Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2,449,216,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,715,392,000 đồng/năm</p>	Sửa đổi khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT  Sửa đổi Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT



			<p>3. Chi phí tiết kiệm: 733,824,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 30 %.</p>	
14	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	<p>(1) Luật tài nguyên nước (2) Nghị định số: 43/2015/NĐ-CP</p>	<p>1. Về cách thức thực hiện - Bổ sung quy định tổ chức cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ Lý do: chưa quy định - Bổ sung trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>3. Về thời gian giải quyết TTHC - Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của Phương án từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc Lý do: Việc kiểm tra tính pháp lý, đầy đủ của phương án trong thời gian 03 ngày là đủ thời gian. Mặt khác còn khoảng 30 ngày để thẩm định hồ sơ. - Bổ sung quy định thời gian trả kết quả TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định, việc quy định cụ thể tránh tùy tiện trong thực hiện.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 580,032,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 499,264,000 đồng/năm 3. Chi phí tiết kiệm: 80,768,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 14 %.</p>	Sửa đổi khoản 3 Điều 12 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP

<b>D</b>	<b>KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN</b>	<b>Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm</b>	<b>Phương án thực thi</b>
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Bộ</b>		
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	<p>(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số</p> <p>1. Về trình tự thực hiện Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này. 2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều</p>

		<p>136//2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (4) Nghị định số 48/2020/NĐ-CP</p>	<p>Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay. 3. Về thành phần hồ sơ: - Bãi bỏ “giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức” Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên; quyết định thành lập tổ chức. Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP 2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21,825,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 18,275,000 3. Chi phí tiết kiệm: 3,550,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 16,3%.</p>	<p>16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi điểm b, c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>
2	<p>Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn</p>	<p>nt</p>	<p>1. Về trình tự thực hiện Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này. 2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay. 3. Về thành phần hồ sơ: - Bỏ Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>

			<p>khí tượng thủy văn đã được cấp.  Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.  4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC  - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.  Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.  II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa  1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13,095,000 đồng/năm  2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10,965,000 đồng/năm  3. Chi phí tiết kiệm: 2,130,000 đồng/năm.  4. Tỷ lệ cắt giảm: 16,3 %.</p>	<p>Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP   Sửa đổi điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	nt	<p>1. Về trình tự thực hiện  Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC  Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.  2. Về cách thức thực hiện TTHC:  Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.  Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.  II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa  1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7,776,000 đồng/năm  2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4,992,000 đồng/năm  3. Chi phí tiết kiệm: 2,784,000 đồng/năm.  4. Tỷ lệ cắt giảm: 27%.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>
4	Thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Thông tư số 09/2016/TT-	<p>1. Về trình tự thực hiện  Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC  Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.  2. Về cách thức thực hiện TTHC:</p>	<p>Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT</p>

		BTNMT	<p>Quy định cụ thể các cách thức thực hiện TTHC và trả kết quả:  Lý do: Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT quy định chung chung, chưa cụ thể</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ:  Giảm từ 05 bộ xuống 01 bộ</p> <p>Lý do: phù hợp với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến; đồng thời việc sao gửi lấy ý kiến các thành viên trong quá trình thẩm định thuộc trách nhiệm của cơ quan thẩm định</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7,181,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,557,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 624,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.</p>	
5	Thẩm định điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết	nt	<p>1. Về trình tự thực hiện  Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC  Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC:  Quy định cụ thể các cách thức thực hiện TTHC và trả kết quả:  Lý do: Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT quy định chung chung, chưa cụ thể</p> <p>3. Về số lượng hồ sơ:  Giảm từ 05 bộ xuống 01 bộ</p> <p>Lý do: phù hợp với trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến; đồng thời việc sao gửi lấy ý kiến các thành viên trong quá trình thẩm định thuộc trách nhiệm của cơ quan thẩm định</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7,181,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6,557,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 624,000 đồng/năm.</p>	nt

			4. Tỷ lệ cắt giảm: 9%.	
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1) Luật Khí tượng thủy văn (2) Nghị định số 38/2016/NĐ-CP (3) Nghị định số 136//2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; (4) Nghị định số 48/2020/NĐ-CP	<p>1. Về trình tự thực hiện Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ: - Bãi bỏ “giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức” Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên; quyết định thành lập tổ chức. Lý do: phù hợp với thực hiện trên môi trường điện tử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP</p> <p>4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận: 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa 1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 279,360,000 đồng/năm 2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 233,920,000</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi điểm b, c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>

			<p>đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 45,440,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 16,3 %.</p>	
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	nt	<p>1. Về trình tự thực hiện Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p> <p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>3. Về thành phần hồ sơ: - Bỏ Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp. Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành phần hồ sơ này.</p> <p>4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận:</p> <p>2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Lý do: Cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 279,360,000</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 233,920,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 45,440,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 16,3 %.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa đổi điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng	nt	<p>1. Về trình tự thực hiện Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC Lý do: Pháp luật hiện hành chưa quy định nội dung này.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3 Điều 18 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP</p>

thủy văn		<p>2. Về cách thức thực hiện TTHC: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến. Lý do: Phù hợp với Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 124,416,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 79,872,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 44,544,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 27 %.</p>	
----------	--	---	--

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>E</b>	<b>LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Bộ</b>			
1	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển		<p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT: Bộ phận tiếp nhận 1 cửa Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- TTHC của tỉnh: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</li> <li>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</li> </ul> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ thành phần hồ sơ: <i>giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp);</i></li> </ul> <p><i>Lý do: khai thác trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký</i></p>	<p>- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p> <p>Sửa điểm c; bỏ điểm d khoản 1 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>

			<p><i>doanh nghiệp.</i></p> <p><i>- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt)</i></p> <p><i>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành thành phần hồ sơ này.</i></p> <p>3. Về số lượng hồ sơ: giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 202,832,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa 197,120,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 5.712.000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm:3 %.</p>	
--	--	--	--	--



2	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	nt	<p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT: Bộ phận tiếp nhận 1 cửa Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- TTHC của tỉnh: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</li> <li>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</li> </ul> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên;</li> </ul> <p><i>Lý do: khai thác trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</i></p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 60,798,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 58,311,000 đồng/năm</li> <li>3. Chi phí tiết kiệm: 2,487,000 đồng/năm.</li> <li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</li> </ol>	<p>- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm đ khoản 4 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>
3	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	nt	<p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành</p>	<p>- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>

			<p>chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 51,453,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 49,350,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 2,103,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</p>	
4	Trả lại Giấy phép nhận chum ở biển	nt	<p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng:</p> <p>- TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT: Bộ phận tiếp nhận 1 cửa Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- TTHC của tỉnh: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20,266,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19,437,000 đồng/năm</p>	- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP

			<p>3. Chi phí tiết kiệm: 829,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</p>	
5	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	nt	<p>2. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT: Bộ phận tiếp nhận 1 cửa Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> <li>- TTHC của tỉnh: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</li> <li>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</li> </ul> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20,266,000 đồng/năm</li> <li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19,437,000 đồng/năm</li> </ol> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 829,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</p>	- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP
<b>II</b>	<b>TTHC cấp tỉnh</b>			
1	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	nt	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Về trình tự thực hiện Thực hiện đồng thời với TTHC thẩm định đánh giá tác động môi trường.</li> <li>2. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</li> </ol>	- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP

			<p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: <i>giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp);</i></p> <p><i>Lý do: khai thác trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</i></p> <p>- <i>Bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt)</i></p> <p><i>Lý do: cơ quan cấp phép đã lưu thành thành phần hồ sơ này.</i></p> <p>3. Về số lượng hồ sơ: giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,622,656,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1,576,960,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 45,696,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 3 %.</p>	- Bỏ điểm c khoản 1 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP
2	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	nt	<p>1. <i>Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ:</i> sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p>	- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP

			<p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 480,228,000đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 460,600,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 19,628,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</p>	
3	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	nt	<p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bổ thành phần hồ sơ: Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên;</p> <p><i>Lý do: khai thác trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</i></p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 567,448,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 544,236,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 23,212,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</p>	<p>- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p> <p>- Bỏ điểm đ khoản 4 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP</p>
4	Trả lại Giấy phép nhận chìm	nt	<p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa</p>	- Sửa đổi Điều 55

	ở biển		<p>đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 567,448,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 544,236,000 đồng/năm</p> <p>3. Chi phí tiết kiệm: 23,212,000 đồng/năm.</p> <p>4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.</p>	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP
5	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	nt	<p>1. Về cơ quan tiếp nhận hồ sơ, hình thức tiếp nhận hồ sơ: sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC theo hướng: cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính công trong trường hợp UBND cấp tỉnh đã thành lập theo quy định của Chính phủ.</p> <p>- Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Lý do: thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <p>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 567,448,000 đồng/năm</p> <p>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 544,236,000 đồng/năm</p>	- Sửa đổi Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP

			3. Chi phí tiết kiệm: 23,212,000 đồng/năm. 4. Tỷ lệ cắt giảm: 4,1 %.	
--	--	--	---	--

STT	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định TTHC	Đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa/lợi ích cắt giảm	Phương án thực thi
<b>F</b>	<b>LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ</b>			
<b>I</b>	<b>TTHC cấp Bộ</b>			
1	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	(1) Luật Đo đạc và bản đồ (2) Nghị định số 27/2019/NĐ-CP	<p>1. Về cơ quan tiếp nhận và trả kết quả TTHC: - Sửa đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ TTHC Bộ phần tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường. Lý do: phù hợp tình hình thực tế hiện nay.</p> <p>2. Về thành phần hồ sơ: - Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành về đo đạc và bản đồ, bản khai hoặc tệp tin bản khai quá trình công tác của người phụ trách kỹ thuật theo Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này hoặc chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ Hạng I, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm của người phụ trách kỹ thuật; văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ; hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ. - Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: quyết định trúng thầu (hoặc quyết định được chọn thầu) của chủ đầu tư, trong đó có nội dung về đo đạc và bản đồ thuộc danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép; văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam đối với nhân viên kỹ thuật là người nước ngoài; hoặc văn bằng, chứng chỉ chuyên môn về đo đạc và bản đồ, hợp đồng lao động của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ là người Việt Nam phù</p>	<p>- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP</p> <p>- Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 34 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP</p>

		<p>hợp với số lượng và trình độ chuyên môn trong hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu; hóa đơn hoặc giấy tờ chứng minh sở hữu hoặc quyền sử dụng phương tiện đo, thiết bị, phần mềm, công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với hồ sơ dự thầu đã trúng thầu hoặc hồ sơ được chọn thầu.</p> <p>3. Về thời gian giải quyết TTHC: Quy định cụ thể thời gian trả kết giải quyết TTHC cho tổ chức</p> <p>Lý do: Nghị định số 27/2019/NĐ-CP mới quy định thời gian thẩm định, cấp phép; chưa quy định thời gian cơ quan cấp phép gửi kết quả giải quyết TTC cho tổ chức</p> <p>II. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 623,200,000 đồng/năm</li><li>2. Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: <b>477,000,000 đồng/năm</b></li><li>3. Chi phí tiết kiệm: <b>146,200,000</b> đồng/năm.</li><li>4. Tỷ lệ cắt giảm: 23 %.</li></ol>	<p>Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP</p>
--	--	---	--



**Dự thảo**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /QĐ - TTg

*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2020**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ đối với các Nghị định của Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT (3b).

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

**PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH LIÊN QUAN  
ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ  
NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm  
của Thủ tướng Chính phủ*

**A. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA**

**I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

**1. Nhóm thủ tục hành chính: Cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ định giá đất**

- Tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT: bổ sung về cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC theo dịch vụ công trực tuyến
- Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT: bãi bỏ điểm b và điểm d: giấy chứng nhận đã hoàn thành về bồi dưỡng định giá đất; Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) của người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất
- Đoạn cuối khoản 1 Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT: bổ sung quy định hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ.
- Điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 61/2015/NĐ-CP: sửa đổi giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc:
- Bỏ Điều 4 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT.

**2. Thủ tục Thẩm định, đánh giá đủ điều kiện, năng lực của tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai**

Tại khoản 5 Điều 5b Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung:

- Quy định cụ thể trình tự giải quyết TTHC cụ thể theo các bước (nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ; thẩm định; trả kết quả).
- Quy định cụ thể cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết TTHC
- Sửa lại tên thành phần hồ sơ “giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ địa chính:
- Bỏ thành phần hồ sơ “chứng chỉ đào tạo về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai”
- Mẫu hóa kết quả giải quyết TTHC.

**3. Thủ tục Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh**

**nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao**

- Tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến

- Tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT: bỏ điểm điểm c, d: Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

**4. Thủ tục Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao**

- Tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến

- Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT: sửa đổi bỏ Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

**5. Thủ tục Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004**

- Tại Điều 69a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Mẫu hóa hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004

- Tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến

- Tại điểm d Điều 7a Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT đã được sửa đổi, bổ sung: bỏ bản sao hoặc giấy đăng ký kinh doanh

**6. Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở**

- Tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến

- Tại khoản 2, khoản 4 Điều 11 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT đã được sửa

đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ khi nộp các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, các Điều 18, 31, 32, 33 và 34 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (nếu có) để làm thủ tục đăng ký lần đầu hoặc đăng ký biến động theo quy định tại các Điều 8, 9, 9a, 9b và 10 của Thông tư này; nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất.

### **7. Thủ tục Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất**

- Tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến

- Tại Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT quy định bổ sung mẫu hóa văn bản đề nghị Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất

### **8. Nhóm Thủ tục hành chính:**

(1) Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền;

(2) Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế;

(3) Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu;

(4) Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

(5) Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm;

(6) Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp;

(7) Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất;

(8) Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp

- Tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung: Bổ sung cách thức thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến

## **II. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**

### **1. Các thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, đóng cửa mỏ:**

- Tại Điều 47 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: sửa đổi, bổ sung quy định cơ quan tiếp nhận

+ **Cấp Trung ương:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ **Cấp tỉnh:** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.

- Tại Điều 48 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: sửa đổi, bổ sung quy định, hình thức tiếp nhận và trả kết quả: mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (dịch vụ bưu chính)

### **2. Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình**

- Tại điểm b khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 54; điểm a khoản 2 Điều 55 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP:

+ **Bỏ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bỏ Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò (cấp giấy phép khai thác khoáng sản)**

- **Sửa đổi:** có báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường không do cơ quan cấp phép phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường)

- **Bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng:** bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài); các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu hoặc bản đồ quy hoạch tổng

thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp được các Bộ ngành, địa phương phê duyệt.

- Tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: sửa đổi: giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc

## **2. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản**

- Tại điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP:

+ **Bổ** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản

+ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu Trường hợp đề nghị thăm dò quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP:

+ Quy định cụ thể trong thời gian nhất định kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

+ Đối với thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản: Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc. Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc

## **3. Nhóm thủ tục: Gia hạn Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản; Trả lại Giấy phép thăm dò/khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò/khai thác khoáng sản; Chuyển nhượng quyền thăm dò/khai thác khoáng sản**

- Tại điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 49 và điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối

với các thành phần hồ sơ: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2; Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

- Tại điểm b khoản 4 Điều 49 và điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: Bỏ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP sửa đổi theo hướng làm rõ văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản.

#### **4. Thủ tục Phê duyệt trữ lượng khoáng sản**

- Tại điểm khoản 2 Điều 50 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: **bỏ** Đề án và cấp giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác.

- Tại Điều 66 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc. Giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc

#### **5. Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản**

- Tại điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP:

+ Bỏ giấy phép khai thác khoáng sản

+ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ; quy định văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm b và đ khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản

- Điểm 4 khoản 1 và khoản 4 Điều 60 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc; giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 07 ngày xuống 03 ngày làm việc

#### **6. Nhóm các thủ tục Cấp/ gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản**

- Tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 52 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP:

+ **Bỏ** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. **Bỏ** Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp địa phương phê duyệt (trường hợp cùng cơ quan thẩm định, phê duyệt)



+ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp các bộ ngành, địa phương phê duyệt.

- Tại điểm b khoản 1 Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc.

### **7. Thủ tục chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản**

Tại Điều 32 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP: + Quy định cụ thể cách thức gửi hồ sơ đề nghị khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

+ Mẫu hóa văn bản đề nghị UBND tỉnh được phép khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản

## **III. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

### **1. Các thủ tục cấp giấy phép tài nguyên nước, hành nghề hành nghề khoan nước dưới đất**

- Tại Điều 29 Nghị định 201/2013/NĐ-CP, Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT, sửa đổi, bổ sung quy định cơ quan tiếp nhận

+ Cấp Trung ương: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.

- Tại Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP; Điều 12 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT, sửa đổi, bổ sung quy định, hình thức tiếp nhận và trả kết quả: mở rộng cách thức nhận kết quả theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (dịch vụ bưu chính)

- Tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP: sửa đổi giảm số lượng nộp hai (02) bộ hồ sơ thành nộp 01 bộ hồ sơ. Bộ quy định trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép còn phải nộp thêm một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường của địa phương dự định đặt công trình.

- Tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 36 Nghị định 201/2013/NĐ-CP: giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc (trường hợp cấp mới) và từ 05 ngày xuống còn 03 ngày làm việc (Gia hạn, điều chỉnh, cấp lại); giảm thời gian trả kết quả TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc

- Bỏ điểm c khoản 2 Điều 30; điểm d khoản 2 Điều 31; điểm d khoản 2 Điều 32; d khoản 2 Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP (Gia hạn, điều chỉnh) và điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT: Bỏ Bản sao giấy phép đã được cấp

## **2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cấm mọc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi**

Tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP sửa đổi:

- Bổ sung quy định tổ chức cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

- Bổ sung trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.

- Giảm thời gian xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của Phương án từ 10 ngày xuống còn 03 ngày làm việc

- Bổ sung quy định thời gian trả kết quả TTHC

## **IV. LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

### **1. Nhóm các thủ tục cấp/ Sửa đổi, bổ sung, gia hạn/cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn**

- Tại Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP, sửa đổi cơ quan tiếp nhận, trả kết quả

+ Cấp Trung ương: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.

- Tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP: Bổ sung cách thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến

- Tại Điều 17 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC

- Tại điểm b, c khoản 1; điểm b khoản 2; điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP:

+ Bỏ “giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của tổ chức; Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đã được cấp

+ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ: văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của đội ngũ nhân viên; quyết định thành lập tổ chức.

## **2. Nhóm các thủ tục thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết**

Tại Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT: Quy định cụ thể về bước trả kết quả giải quyết TTHC; cách thức thực hiện TTHC và trả kết quả. Giảm từ 05 bộ hồ sơ xuống 01 bộ. Sửa đổi cơ quan thẩm định cho phù hợp với Nghị định số 36/2017/NĐ-CP.

## **V. LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

### **1. Các thủ tục Cấp/ Gia hạn/ Sửa đổi, bổ sung/ Trả lại/ Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển**

Tại Điều 55 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, sửa đổi cơ quan tiếp nhận, trả kết quả

+ Cấp Trung ương: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh.

- Bổ sung thêm hình thức tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến

- Sửa điểm c; bỏ điểm d khoản 1 và điểm đ khoản 4 Điều 54 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP: Bỏ *giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp); Bỏ báo cáo đánh giá tác động môi trường (trường hợp cùng cơ quan thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;* Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân được phép nhận chìm ở biển thay đổi tên trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do thay đổi tên. Giảm 02 bộ xuống còn 01 bộ.

## **VI. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ**

## **Nhóm thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ**

- Tại điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp địa phương đã tổ chức bộ phận 1 cửa hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc trung tâm phục vụ hành chính công theo quyết định của UBND cấp tỉnh (trường hợp nộp hồ sơ tại tỉnh)

- Tại khoản 1, khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 34 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP

+ Bổ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

+ Quy định bổ sung hình thức nộp hồ sơ trên môi trường điện tử theo hướng: bản sao chứng thực điện tử đối với các thành phần hồ sơ.

- Tại điểm b khoản 4 Điều 34 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP: Quy định cụ thể thời gian trả kết quả quyết TTHC cho tổ chức

## **B. TRÁCH NHIỆM THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA**

1. Giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản dưới đây để thực hiện nội dung đơn giản hóa TTHC nêu tại Phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo.

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước

- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ

- Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cấp, quản lý chứng chỉ giá đất;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ địa chính đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.;
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.
- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 17/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.
- Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết,

2. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 1 nêu trên được thực hiện theo hướng 01 văn bản sửa nhiều văn bản và theo quy trình thủ tục rút gọn./.